SAO Y
Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 30.12.2021 16:26:27 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5308 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về nội dung, mức chi cho các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về nội dung, mức chi cho các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5155/TTr-SGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Văn bản số 5227/SGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về nội dung, mức chi cho các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai *(Nghị quyết đính kèm)*.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị quyết; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 4; - Thường trực Tỉnh ủy; - Thường trực HĐND tỉnh; - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh; - Chánh, các PCVP. UBND tỉnh; - Cổng thông tin điện tử tỉnh; - Lưu: VT, KGVX, THNC, KTNS.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Nguyễn Sơn Hùng**

Email: hdnd@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 08.12.2021 16:33:33 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21/2021/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Quy định về nội dung, mức chi cho các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 14316/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi cho công tác tổ chức các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm:

a) Các kỳ thi: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi học sinh giỏi cấp huyện; thi học sinh giỏi cấp tỉnh; coi thi học sinh giỏi cấp quốc gia; thi tuyển sinh đầu cấp; thi vào trường chuyên; thi nghề phổ thông.

b) Các hội thi: Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội

thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, cấp huyện và tham gia Hội khỏe Phù đổng cấp khu vực, cấp toàn quốc; Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật học sinh trung học.

c) Công tác bồi dưỡng đội dự tuyển, đội tuyển học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện; công tác ra đề thi học kỳ tập trung ở các lớp cuối cấp.

2. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân, các cơ sở giáo dục và các đơn vị có liên quan đến công tác tổ chức các kỳ thi, hội thi ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

1. Nội dung chi, mức chi công tác tổ chức các kỳ thi (gồm: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi học sinh giỏi cấp huyện; thi học sinh giỏi cấp tỉnh; coi thi học sinh giỏi cấp quốc gia; thi tuyển sinh đầu cấp và thi vào trường chuyên; thi nghề phổ thông) theo Phụ lục I đính kèm.

2. Nội dung chi, mức chi cho hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi theo Phụ lục II đính kèm.

3. Nội dung chi, mức chi cho công tác tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, cấp huyện và tham gia Hội khỏe Phù đổng cấp khu vực, cấp toàn quốc theo Phụ lục III đính kèm.

4. Nội dung chi, mức chi cho công tác tổ chức Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật học sinh trung học theo Phụ lục IV đính kèm.

5. Nội dung chi, mức chi cho công tác bồi dưỡng đội dự tuyển, đội tuyển học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện theo Phụ lục V đính kèm.

6. Nội dung chi, mức chi cho công tác ra đề thi học kỳ tập trung ở các lớp cuối cấp theo Phụ lục VI đính kèm.

7. Mức chi cho các nội dung chi tại Điều này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức kỳ thi, hội thi, tổ chức bồi dưỡng đội dự tuyển, đội tuyển học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện và ra đề thi học kỳ tập trung ở các lớp cuối cấp. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách hàng năm bố trí cho ngành giáo dục đào tạo theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Các Bộ: GD&ĐT; Tài chính; LĐ-TB&XH;
- Cục Kiểm tra VB QPPL Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Thường trực HĐND - UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Nai, Đài PT - TH Đồng Nai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT.

PHỤ LỤC I

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CÁC KỲ THI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14 /2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi					Ghi chú
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi học sinh giỏi cấp huyện	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh; coi thi học sinh giỏi cấp quốc gia	Thi tuyển sinh đầu cấp; thi vào trường chuyên	Thi nghề phổ thông	
I	**CÔNG TÁC RA ĐỀ THI**							
1	Chi ra đề thi đề xuất (tự luận)							
	Đề thi học sinh giỏi	ngàn đồng/đề		640	800			
	Đề thi vào trường Chuyên	ngàn đồng/đề				800		
	Đề thi tuyển sinh đầu cấp	ngàn đồng/đề				480		
	Đề thi nghề phổ thông	ngàn đồng/đề					290	
2	Chi ra đề thi tự luận chính thức và dự bị (soạn thảo, thẩm định, phản biện) có kèm theo đáp án, biểu điểm							
	Đề thi học sinh giỏi	ngàn đồng/người/ngày		660	825			
	Đề thi vào trường Chuyên	ngàn đồng/người/ngày				825		
	Đề thi tuyển sinh đầu cấp	ngàn đồng/người/ngày				675		
	Đề thi nghề phổ thông	ngàn đồng/người/ngày					225	
3	Chi hội đồng/ban ra đề thi							
	Chủ tịch, Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày		600	750	750	375	
	Các Phó chủ tịch, Phó Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày		540	675	675	340	
	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong	ngàn đồng/người/ngày		420	525	525	265	
	Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	ngàn đồng/người/ngày		240	300	300	150	
II	**CÔNG TÁC IN SAO ĐỀ THI**							
1	Chi hội đồng in sao đề thi							
	Chủ tịch, Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	550	440	550	550	250	
	Các Phó chủ tịch, Phó Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	495	395	495	495	225	
	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong	ngàn đồng/người/ngày	385	310	385	385	175	
	Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	ngàn đồng/người/ngày	220	175	220	220	100	
III	**CÔNG TÁC COI THI**							
1	Chi Hội đồng coi thi							
	Chủ tịch, Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	500	400	500	500	250	
	Các Phó chủ tịch, Phó Trưởng ban, Trưởng điểm thi	ngàn đồng/người/ngày	450	360	450	450	225	
	Các Phó Trưởng điểm thi	ngàn đồng/người/ngày	405					
	Ủy viên, thư ký, giám thị	ngàn đồng/người/ngày	350	280	350	350	175	
	Bảo vệ, phục vụ, nhân viên khác	ngàn đồng/người/ngày	200	160	200	200	100	
IV	**CÔNG TÁC LÀM PHÁCH**							

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi					Ghi chú
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi học sinh giỏi cấp huyện	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh; coi thi học sinh giỏi cấp quốc gia	Thi tuyển sinh đầu cấp; thi vào trường chuyên	Thi nghề phổ thông	
1	Chi hội đồng/ban làm phách							
	Chủ tịch, Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	550	440	550	550	250	
	Các Phó chủ tịch, Phó Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	495	395	495	495	225	
	Ủy viên, thư ký	ngàn đồng/người/ngày	385	310	385	385	175	
	Phục vụ, bảo vệ	ngàn đồng/người/ngày	220	175	220	220	100	
V	**CÔNG TÁC CHẤM THI**							
1	Chi chấm bài thi							
	Chấm bài thi tự luận (chấm độc lập 2 vòng)							
	Bài thi tốt nghiệp THPT	ngàn đồng/người/ngày	675					38 bài/người/ngày/vòng
	Bài thi học sinh giỏi	ngàn đồng/người/ngày		660	825			20 bài/người/ngày/vòng
	Bài thi vào trường Chuyên	ngàn đồng/người/ngày				825		20 bài/người/ngày/vòng
	Bài thi tuyển sinh đầu cấp	ngàn đồng/người/ngày				600		40 bài/người/ngày/vòng
	Bài thi nghề phổ thông	ngàn đồng/người/ngày					375	60 bài/người/ngày/vòng
	Chấm bài thực hành	ngàn đồng/bài					4	
	Chấm bài thi trắc nghiệm	ngàn đồng/người/ngày	525	420	525	525	315	
	Chấm thẩm định bài thi tự luận	ngàn đồng/người/ngày	405	395	495	360	225	
	Chi cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	ngàn đồng/người/đợt	300	240	300	300	180	
2	Chi hội đồng/ban chấm thi							
	Chủ tịch, Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	550	440	550	550	250	
	Các Phó chủ tịch, Phó Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	495	395	495	495	225	
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	ngàn đồng/người/ngày	385	310	385	385	175	
	Bảo vệ, phục vụ, nhân viên khác	ngàn đồng/người/ngày	220	175	220	220	100	
3	Chi hội đồng/ban phúc khảo							
	Chủ tịch, Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	400	320	400	400	250	
	Các Phó chủ tịch, Phó Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	360	290	360	360	225	
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	ngàn đồng/người/ngày	280	225	280	280	175	
	Bảo vệ, phục vụ, nhân viên khác	ngàn đồng/người/ngày	160	130	160	160	100	
4	Chi chấm bài phúc khảo							
	Bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	ngàn đồng/người/ngày	405					
	Bài thi học sinh giỏi	ngàn đồng/người/ngày		395	495			
	Bài thi vào trường Chuyên	ngàn đồng/người/ngày				495		
	Bài thi tuyển sinh đầu cấp	ngàn đồng/người/ngày				360		
	Bài thi nghề phổ thông	ngàn đồng/người/ngày					225	
VI	**CÔNG TÁC THANH TRA**							
	Chi thanh tra trước, trong và sau khi thi							
	Trưởng đoàn	ngàn đồng/Người/ngày	500	400	500	500	300	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi					Ghi chú
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi học sinh giỏi cấp huyện	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh; coi thi học sinh giỏi cấp quốc gia	Thi tuyển sinh đầu cấp; thi vào trường chuyên	Thi nghề phổ thông	
	Đoàn viên thanh tra	ngàn đồng/Người/ngày	350	280	350	350	210	Áp dụng cho thanh tra kiêm nhiệm; trường hợp thanh tra viên chỉ áp dụng cho kỳ thi tổ chức vào thứ 7, chủ nhật
	Thanh tra viên độc lập	ngàn đồng/Người/ngày	425	340	425	425	255	
VII	**BAN CHỈ ĐẠO, HỘI ĐỒNG THI**							
1	Chi Ban chỉ đạo							
	Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	900					
	Phó Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	810					
	Các ủy viên, thư ký	ngàn đồng/người/ngày	450					
	Nhân viên phục vụ	ngàn đồng/người/ngày	270					
2	Chi hội đồng thi, ban tổ chức thi							
	Chủ tịch	ngàn đồng/người/ngày	825	465	580	580	330	
	Phó Chủ tịch	ngàn đồng/người/ngày	745	420	520	520	300	
	Các ủy viên	ngàn đồng/người/ngày	580	230	405	405	230	
VIII	**CHI KHÁC**							
1	Chi khác của Hội đồng coi thi							
	Chi cho cán bộ trực đề thi tốt nghiệp THPT tại điểm thi	ngàn đồng/người/ngày	300					
	Chi lập hồ sơ đăng ký dự thi	ngàn đồng/hồ sơ				4	4	
	Lập và kiểm tra hồ sơ dự thi	ngàn đồng/phòng thi	30	30	30	30	30	
	Thuê người quét dọn phòng thi của hội đồng thi, điểm thi	ngàn đồng/ngày/phòng thi	20	20	20	20	20	
	Văn phòng phẩm phòng thi (danh sách thí sinh, sơ đồ phòng thi, kéo, hồ dán, thẻ đeo…)	ngàn đồng/phòng thi	50	50	50	50	50	
	Văn phòng phẩm chung cho hội đồng thi, điểm thi	ngàn đồng/hội đồng	300	300	300	300	300	
	Tiền nước uống cho các thành viên trong hội đồng, điểm thi	ngàn đồng/người/ngày	10	10	10	10	10	
	Tiền thuốc phòng bệnh bệnh	ngàn đồng/Hội đồng	450	450	450	450	450	
	Giấy thi, giấy nháp		Theo thực tế					Bình quân mỗi thí sinh không quá 3 tờ giấy thi; 3 tờ giấy nháp cho 1 môn thi; hợp đồng, hóa đơn theo quy định
	Băng rôn Hội đồng coi thi, điểm thi		Theo thực tế					01 cái/hội đồng (điểm thi); hóa đơn theo quy định
	Tiền vận chuyển bài thi về Hội đồng (chấm thi)		Theo thực tế					Hợp đồng, hóa đơn theo quy định
	Chi tiền ở cho các bộ coi thi có khoảng cách từ nơi công tác đến điểm thi trên 30km (nếu có)		Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành					

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi					Ghi chú
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi học sinh giỏi cấp huyện	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh; coi thi học sinh giỏi cấp quốc gia	Thi tuyển sinh đầu cấp; thi vào trường chuyên	Thi nghề phổ thông	
2	Chi khác của Hội đồng chấm thi							
	Khớp phách, vào điểm	ngàn đồng/phòng thi	30	30	30	30	30	
	Tiền nước uống cho các thành viên trong hội đồng	ngàn đồng/người/ngày	10	10	10	10	10	
	Các biểu mẫu phục vụ chấm thi, thẻ đeo	ngàn đồng/phòng thi	20	20	20	20	20	
	Bút bi đỏ chấm bài thi	ngàn đồng/người/đợt	10	10	10	10	10	
	Băng rôn Hội đồng chấm thi		Theo thực tế					01 cái/hội đồng; hóa đơn theo quy định
	Thuê người quét dọn	ngàn đồng/Hội đồng	200	200	200	200	200	
	Chi hỗ trợ điện nước cho các đơn vị sử dụng làm khu vực chấm thi		Theo thực tế					Hợp đồng, phiếu thu của đơn vị cho mượn cơ sở vật chất theo quy định
	Tiền bốc vác, vận chuyển bài thi từ khu vực chấm thi về khu vực lưu giữ	ngàn đồng/đợt	350	350	350	350	350	
3	Chi khác hội đồng/ban in sao							
	Chi thuê máy sao in; máy phát điện dự phòng		Theo thực tế					Thực hiện thuê, mua sắm theo quy định hiện hành
	Mua giấy; mực, tang xin, bao bì đựng đề thi							
	Văn phòng phẩm							
	Chi hỗ trợ điện nước cho các đơn vị sử dụng làm khu vực chấm thi		Theo thực tế					Hợp đồng, phiếu thu của đơn vị cho mượn cơ sở vật chất theo quy định
4	Tiền ăn các thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi; hội đồng/ban in sao; hội đồng/ban làm phách phải cách ly							
	Thời gian thực tế làm công tác ra đề thi, in sao, làm phách	ngàn đồng/người/ngày	285	285	285	285		
	Thời gian cách ly còn lại (trong thời gian học sinh thi)	ngàn đồng/người/ngày	190	190	190	190		
5	In ấn, hoàn thiện giấy chứng nhận nghề phổ thông	ngàn đồng/GCN					5	Khoán mực in, công in ấn, dán ảnh, đóng dấu… giấy chứng nhận (GCN)

PHỤ LỤC II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

HỘI THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON; HỘI THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI, GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP GIỎI CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG; HỘI THI GIÁO VIÊN LÀM TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH GIỎI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21 /2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi				Ghi chú
			Cấp tỉnh		Cấp huyện		
			Hội thi giáo viên	Hội thi Tổng phụ trách	Hội thi giáo viên	Hội thi Tổng phụ trách	
I	**TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH**						
1	Tiền công Ban Tổ chức						
	Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	230	230	185	185	
	Các Phó Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	205	205	165	165	
	Ủy viên, thư ký	ngàn đồng/người/ngày	160	160	130	130	
2	Tiền công Ban ra đề thi						
	Chủ tịch Hội đồng	ngàn đồng/người/ngày		225		180	
	Các Phó chủ tịch	ngàn đồng/người/ngày		205		165	
	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong	ngàn đồng/người/ngày		160		130	
	Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	ngàn đồng/người/ngày		90		70	
3	Tiền công Ban Giám khảo						
	Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	220	220	175	175	
	Các Phó Trưởng ban	ngàn đồng/người/ngày	200	200	160	160	
	Ủy viên, thư ký	ngàn đồng/người/ngày	155	155	125	125	
	Phục vụ	ngàn đồng/người/ngày	90	90	70	70	
II	**TIỀN CÔNG CHO GIÁM KHẢO CHẤM THI**						
1	Chấm sáng kiến kinh nghiệm						
	Chủ tịch Hội đồng	ngàn đồng/người/buổi		400		320	
	Phó chủ tịch, thư ký Hội đồng và các thành viên Hội đồng	ngàn đồng/người/buổi		160		130	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi				Ghi chú
			Cấp tỉnh		Cấp huyện		
			Hội thi giáo viên	Hội thi Tổng phụ trách	Hội thi giáo viên	Hội thi Tổng phụ trách	
	Các thành phần khác tham gia Hội đồng	ngàn đồng/người/buổi		80		65	
2	Chấm thi bài thi kiểm tra năng lực hiểu biết của Tổng phụ trách	ngàn đồng/bài thi		60		50	
3	Chấm thực hành, biện pháp, kỹ năng, năng khiếu						
	Chi chấm thực hành tiết dạy của giáo viên, chủ nhiệm lớp giỏi; kỹ năng nghiệp vụ của Tổng phụ trách	ngàn đồng/ bài thi/GK	150	150	90	90	
	Chi chấm trình bày biện pháp của giáo viên, chủ nhiệm lớp giỏi; năng khiếu của Tổng phụ trách	ngàn đồng/ bài thi/GK	150	150	90	90	
III	**CHI HỖ TRỢ CHO GIÁO VIÊN THAM GIA HỘI THI**						
	Hỗ trợ giáo viên xây dựng các biện pháp, thực hiện trình bày các biện pháp; ứng xử, kể chuyện; thực hành kỹ năng, năng khiếu	ngàn đồng/Bài thi	250	250	200	200	
IV	**CHI KHÁC**						
	Chi văn phòng phẩm		Theo thực tế				Hợp đồng, hoá đơn theo quy định
	Tiền nước uống cho thành viên	ngàn đồng/người/ngày	10	10	10	10	
	Chi tổng kết hội thi (hội trường, văn phòng phẩm, trang trí, tài liệu, nước uống)		Theo thực tế				Theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị hiện hành
	Hỗ trợ điện nước cho các đơn vị tổ chức		Theo thực tế				Hợp đồng, phiếu thu theo quy định
	Thẻ đeo cho BGK, BTC (thẻ đeo, dây đeo, bọc nhựa, in ấn)	ngàn đồng/người	8	8	8	8	

PHỤ LỤC III

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ THAM GIA HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG CẤP KHU VỰC, CẤP TOÀN QUỐC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(kèm theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp KV, Quốc gia	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
I	**HỘI KHOẺ PHÙ ĐỔNG CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN**					
1	**Chi bồi dưỡng tập luyện cho các đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ**					
	Mức chi bồi dưỡng người tham gia tập luyện	ngàn đồng/người/ngày		30	20	Thời gian tập luyện: cấp tỉnh tối đa 20 ngày, cấp huyện tối đa 15 ngày
	Mức chi bồi dưỡng giáo viên quản lý, hướng dẫn tập luyện	ngàn đồng/người/ngày		60	50	
	Mức chi bồi dưỡng người tham gia tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	ngàn đồng/người/ngày		40	30	
	Mức chi bồi dưỡng người tham gia ngày chính thức	ngàn đồng/người/ngày		70	60	
2	**Chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ**					
	Ban chỉ đạo, ban tổ chức	ngàn đồng/người/ngày		60	40	Được tính theo ngày làm việc thực tế, hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế. Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu, hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 03 buổi hoặc 03 trận đấu/người/ngày.
	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	ngàn đồng/người/ngày		50	40	
	Giám sát, trọng tài chính	ngàn đồng/người/buổi		50	40	
	Thư ký, trọng tài các môn thi đấu	ngàn đồng/người/buổi		40	30	
	Bộ phận y tế	ngàn đồng/người/buổi		40	30	
	Lực lượng bảo vệ, trật tự, nhân viên phục vụ	ngàn đồng/người/buổi		40	30	
3	**Chi tập huấn, huấn luyện đội tuyển tham dự HKPĐ cấp tỉnh (đối với các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường Trung học phổ thông)**					
	Tiền ăn cho vận động viên, huấn luyện viên trong những ngày huấn luyện, tập huấn	ngàn đồng/người/ngày			120	Số ngày tối đa: 20 ngày
4	**Dụng cụ tập luyện**				Theo thực tế	Thực hiện thuê, mua sắm theo quy định hiện hành
5	**Tham dự HKPĐ cấp tỉnh** (đối với đoàn của các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT)					
	Tiền ăn cho vận động viên, huấn luyện viên	ngàn đồng/người/ngày			170	
	Tiền thuê chỗ ở				Theo chế độ công tác phí hiện hành	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp KV, Quốc gia	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
	Tiền thuê phương tiện đi lại				Theo thực tế	Hợp đồng, hóa đơn theo quy định
6	**Tiền ở của lực lượng trọng tài, giám sát từ các địa phương khác về nơi tổ chức để làm nhiệm vụ**			Theo chế độ công tác phí hiện hành		
II	**HỘI KHOẺ PHÙ ĐỔNG CẤP KHU VỰC VÀ TOÀN QUỐC**					
1	**Chi tập huấn, huấn luyện đội tuyển tham dự Hội khỏe Phù Đổng cấp khu vực và cấp toàn quốc**					
	Mức chi tiền ăn cho vận động viên, huấn luyện viên	ngàn đồng/người/ngày	160			Số ngày tối đa: 30 ngày
	Tiền thuê nơi ở trong thời gian tập luyện		Theo chế độ công tác phí hiện hành			
2	**Dụng cụ tập luyện**		Theo thực tế			Thực hiện thuê, mua sắm theo quy định hiện hành
3	**Chi thi đấu cấp khu vực, toàn quốc**					
	Mức chi tiền ăn cho vận động viên, huấn luyện viên	ngàn đồng/người/ngày	195			
	Tiền thuê nơi ở trong thời gian thi đấu		Theo chế độ công tác phí hiện hành			
	Các chi phí khác có liên quan (tiền tàu xe, khám sức khỏe, làm thẻ thi đấu, thuốc phòng bệnh …)		Theo thực tế			Hợp đồng, hoá đơn theo quy định

PHỤ LỤC IV

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỘI THI SÁNG TẠO KHOA HỌC KỸ THUẬT HỌC SINH TRUNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 21 /2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	
1	**Chi Tổ chức hội thi**				
	Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá khảo nghiệm kết quả đề tài dự thi	ngàn đồng/đề tài, dự án	900	700	
	Họp hội đồng giám khảo				
	Chủ tịch Hội đồng	ngàn đồng/người/buổi	300	245	
	Phó Chủ tịch Hội đồng	ngàn đồng/người/buổi	270	220	
	Uỷ viên, thư ký	ngàn đồng/người/buổi	180	140	
	Chi Ban Tổ chức, Ban thư ký				
	Ban Tổ chức	ngàn đồng/người/tháng	180	140	Thời gian tổ chức dưới 15 ngày tính 1/2 tháng, trên 15 ngày tính trọn 01 tháng
	Ban thư ký	ngàn đồng/người/tháng	120	105	Thời gian tổ chức dưới 15 ngày tính 1/2 tháng, trên 15 ngày tính trọn 01 tháng
	Văn phòng phẩm, trang trí, thẻ đeo		Theo thực tế		Hóa đơn, chứng từ theo quy định
	Giải khát giữa giờ	ngàn đồng/người/ngày	10	10	
	Hỗ trợ tác giả để mua sắm vật tư thực hiện dự án				
	Dự án có bản vẽ, mô hình nhỏ và đơn giản	ngàn đồng/đề tài, dự án	600	480	
	Dự án có bản vẽ, mô hình lớn và đơn giản	ngàn đồng/đề tài, dự án	1,000	800	
2	**Chi thuê chuyên gia, giáo viên để bồi dưỡng đề tài dự thi cấp cao hơn**				
	Số tiết hướng dẫn đề tài (tối đa)	tiết/đề tài, dự án	80	50	
	Mức chi hướng dẫn đề tài, dự án	ngàn đồng/tiết	200	160	

PHỤ LỤC V

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI BỒI DƯỠNG ĐỘI DỰ TUYỂN, ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 21 /2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	
1	Thù lao giáo viên dạy tập huấn	ngàn đồng/tiết	190	150	Thời gian tập trung của học sinh, giáo viên tính theo ngày làm việc: cấp tỉnh tối đa 60 ngày; cấp huyện tối đa 45 ngày
2	Tiền ăn, giải khát cho học sinh các đội tuyển, dự tuyển trong thời gian tập trung tập huấn, tập trung thi quốc gia, đội tuyển huyện thi	ngàn đồng/người/ngày	150	120	
3	Tiền ở, tiền xe cho đội tuyển tỉnh thi quốc gia; đội tuyển huyện thi cấp tỉnh		Theo thực tế		Thực hiện theo chế độ công tác phí hiện hành
4	Chi mua nguyên vật liệu, hóa chất và các thiết bị liên quan đến tập huấn, tham gia thi học sinh giỏi		Theo thực tế		Hợp đồng, hoá đơn theo quy quy đnh